|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  1/9/2023 | Dạy | Ngày | 6,13,17,19/10 | 6,13,18,19 |
| Tiết(TKB) | 2,5,4,5 | 4,4,1,4 |
| Lớp | 8A | 8B |

**BÀI 3. KHOÁNG SẢN VIỆT NAM ( 4 TIẾT)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản VN.

- Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

***b. Năng lực đặc thù:***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:

+ Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản VN.

+ Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr109-112.

+ Quan sát bản đồ hình 3.3 SGK để xác định tên và sự phân bố các mỏ khoáng sản ở nước ta.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: tìm hiểu về một loại khoáng sản chủ yếu ở VN (ý nghĩa, trữ lượng, phân bố, tình hình khai thác, sử dụng,...)

**3. Về phẩm chất:** Ý thức học tập nghiêm túc, ý thức sử dụng tiết kiệm và bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản tránh cạn kiệt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên (GV)**

- KHBD, SGK, sách giáo viên (SGV), Atlat Địa lí Việt Nam (ĐLVN)

- Hình 3.1. Giàn khoan dầu khí Đại Hùng 1, Hình 3.2. Mỏ khai thác than Quảng Ninh, hình 3.3. Bản đồ phân bố một số khoáng sản ở VN phóng to.

- Phiếu học tập, bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

**2. Học sinh (HS):**SGK, vở ghi, Atlat ĐLVN.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)**

***a. Mục tiêu:***  Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

***b.Nội dung:***GV tổ chức trò chơi ô chữ cho HS.

***c. Sản phẩm*:** HS giải mã được ô chữ GV đặt ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

\* GV treo bảng phụ trò chơi ô chữ lên bảng:

**1**

**2**

**3**

**4**

**5**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |

\* GV phổ biến luật chơi:

- Trò chơi ô chữ gồm 5 chữ cái được đánh số từ 1 đến 5 sẽ tương ứng với 5 câu hỏi.

- Các em dựa vào Atlat ĐLVN và kiến thức đã học để trả lời, các em có quyền lựa chọn thứ tự câu hỏi để trả lời, mỗi câu hỏi có 2 lượt trả lời.

- Em nào trả lời đúng sẽ nhận được 1 phần quà nhỏ (ví dụ 1 cây bút) và ô chữ sẽ hiện ra chữ cái tương ứng, trả lời sai ô chữ sẽ bị khóa lại, trong quá trình trả lời, em nào trả lời đúng tên ô chữ thì sẽ nhận được phần quà lớn hơn (ví dụ 3 cây bút).

\* Hệ thống câu hỏi:

**Câu 1.** *Dãy núi cao nhất ở nước ta là:*

A. Pu Sam Sao B. Hoàng Liên Sơn C. Trường Sơn D. Con Voi

**Câu 2.** *Sông nào sau đây chảy theo hướng vòng cung?*

A. sông Đà B. sông Cầu C. sông Hồng D. sông Mã

**Câu 3.** *Cao nguyên Sơn La nằm ở khu vực:*

A. Trường Sơn Nam B. Đông Bắc C. Tây Bắc D. Trường Sơn Bắc

**Câu 4.** *Ngành kinh tế phát triển ở địa hình đồi núi là:*

A. thủy sản B. trồng lúa C. thủy điện D. Cả A, B, C

**Câu 5.** *Thiên tai thường xảy ra ở địa hình đồng bằng là:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. hạn hán | B. lũ quét | C. xói mòn | D. sạt lở đất |

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS dựa vào Atlat ĐLVN và kiến thức đã học, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

**Câu 1**: B

**Câu 2**: B

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **D** | **Ầ** | **U** | **M** | **Ỏ** |

**Câu 3**: C

**Câu 4**: C

**Câu 5:** A

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **GV dẫn dắt vào nội dung bài mới**: Dầu mỏ là một loại tài nguyên khoáng sản quan trọng ở nước ta gắn liền với sự phát triển của ngành khai thác dầu khí là ngành kinh tế mũi nhọn của nước ta. Vậy nước ta có những mỏ dầu nào? Phân bố ở đâu? Bên cạnh dầu mỏ thì nước ta còn có những loại khoáng sản nào khác? Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***2.1. Tìm hiểu về Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam (35 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản VN.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 3.3 kết hợp kênh chữ SGK tr 109-110 suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

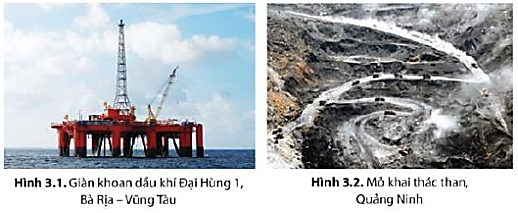
|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 1 SGK.  \* GV treo hình 3.3 SGK lên bảng.  \* GV yêu cầu HS quan sát bản đồ hình 3.3 SGK hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:  *1. Khoáng sản nước ta hình thành do sự tác động của những nhân tố nào?*  *2. Nước ta đã thăm dò được bao nhiêu loại khoáng sản?*  *3. Khoáng sản nước ta chia làm mấy nhóm? Tên các khoáng sản của từng nhóm.*  *4. Phần lớn khoáng sản nước ta có trữ lượng như thế nào? Kể tên các khoáng sản có trữ lượng lớn ở nước ta.*  *5. Vì sao khoáng sản nước ta lại phong phú và đa dạng?*  *6. Khoáng sản nước ta phân bố như thế nào?*  *7. Các mỏ nội sinh được hình thành như thế nào?*  *8. Các mỏ ngoại sinh được hình thành như thế nào?*  **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát quan sát bản đồ hình 3.3 SGK hoặc Atlat ĐLVN và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:  1. Khoáng sản nước ta hình thành do sự tác động của những nhân tố vị trí địa lí, địa chất.  2. Nước ta đã thăm dò được hơn hơn 60 loại khoáng sản khác nhau.  3. Khoáng sản nước ta chia làm 3 nhóm:  - Khoáng sản năng lượng (than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên,…).  - Khoáng sản kim loại (sắt, đồng, bô-xit, man-gan, đất hiếm,..).  - Khoáng sản phi kim loại (a-pa-tit, đá vôi,...).  4.  - Phần lớn các mỏ khoáng sản ở nước ta có trữ lượng trung bình và nhỏ.  - Một số loại khoáng sản có trữ lượng lớn như: dầu mỏ, bô-xit, đất hiếm, titan,…  5. Sự phong phú, đa dạng của khoáng sản do Việt Nam ở vị trí giao nhau giữa các vành đai sinh khoáng, đồng thời có lịch sử phát triển địa chất lâu dài và phức tạp nên có nhiều loại khoáng sản.  6. Phân bố: Khoáng sản nước ta phân bố ở nhiều nơi, nhưng tập trung chủ yếu ở miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên.  7. Các mỏ nội sinh thường hình thành ở các vùng có đứt gãy sâu, uốn nếp mạnh, có hoạt động mac-ma xâm nhập hoặc phun trào, như vùng núi Đông Bắc, vùng núi Tây Bắc, dãy Trường Sơn,...  8. Các mỏ ngoại sinh hình thành từ quá trình trầm tích tại các vùng biển nông, vùng bờ biển hoặc các vùng trũng được bồi đắp, lắng đọng vật liệu từ các vùng uốn nếp cổ có chứa quặng,...  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. | **1. Đặc điểm chung của khoáng sản Việt Nam**  - Cơ cấu: Khoáng sản nước ta khá phong phú và đa dạng. Trên lãnh thổ Việt Nam đã thăm dò được hơn 60 loại khoáng sản khác nhau như khoáng sản: năng lượng, kim loại, phi kim loại.  - Quy mô: phần lớn các mỏ khoáng sản ở nước ta có trữ lượng trung bình và nhỏ.  - Phân bố: Khoáng sản nước ta phân bố ở nhiều nơi, nhưng tập trung chủ yếu ở miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên. |

**TIẾT 2**

***2.2. Tìm hiểu về Đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu : 45 phút***

***a. Mục tiêu*:** HS trình bày được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 3.1-3.3 kết hợp kênh chữ SGK tr110 suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 2 SGK.  \* GV treo hình 3.1, 3.2, 3.3 SGK lên bảng.  \* GV yêu cầu HS quan sát hình 3.1-3.3 SGK hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:  *1. Kể tên các loại khoáng sản chủ yếu ở nước ta.*  *2. Cho biết trử lượng từng loại khoáng sản chủ yếu của nước ta.*  *3. Xác định sự phân bố của các loại khoáng sản chủ yếu của nước ta trên bản đồ hình 3.3.*  **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát quan sát hình 3.1, 3.2, 3.3 SGK hoặc Atlat ĐLVN và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:  1. Các loại khoáng sản chủ yếu:  - Than đá.  - Dầu mỏ và khí tự nhiên.  - Bô-xít.  - Sắt.  - A-pa-tít.  - Ti-tan.  - Đá vôi.  2. Trữ lượng:  - Than đá: Tổng trữ lượng khoảng 7 tỉ tấn.  - Dầu mỏ và khí tự nhiên: Tổng trữ lượng khoảng 10 tỉ tấn dầu quy đổi.  - Bô-xít: Tổng trữ lượng khoảng 9,6 tỉ tấn.  - Sắt: Tổng trữ lượng khoảng 1,1 tỉ tấn.  - A-pa-tít: Tổng trữ lượng khoảng 2 tỉ tấn.  - Ti-tan: Tổng trữ lượng khoảng 663 triệu tấn.  - Đá vôi: Tổng trữ lượng lên đến 8 tỉ tấn.  3. Phân bố:  - Than đá: ở bể than Quảng Ninh.  - Dầu mỏ và khí tự nhiên: ở vùng thềm lục địa phía đông nam.  - Bô-xít: ở Tây Nguyên (Đắk Nông, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum,...), ngoài ra còn có ở một số tỉnh phía bắc (Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang,...).  - Sắt: ở khu vực Đông Bắc (Thái Nguyên, Lào Cai, Hà Giang),... và Bắc Trung Bộ (Hà Tĩnh).  - A-pa-tít: ở Lào Cai.  - Ti-tan: ở ven biển từ Quảng Ninh đến Bà Rịa - Vũng Tàu.  - Đá vôi: ở vùng núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ.  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. | **2. Đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu**  - Than đá: ở bể than Quảng Ninh.  - Dầu mỏ và khí tự nhiên: ở vùng thềm lục địa phía đông nam.  - Bô-xít: ở Tây Nguyên (Đắk Nông, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum,...), ngoài ra còn có ở một số tỉnh phía bắc (Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang,...).  - Sắt: ở khu vực Đông Bắc (Thái Nguyên, Lào Cai, Hà Giang),... và Bắc Trung Bộ (Hà Tĩnh).  - A-pa-tít: ở Lào Cai.  - Ti-tan: ở ven biển từ Quảng Ninh đến Bà Rịa - Vũng Tàu.  - Đá vôi: ở vùng núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ. |

**TIẾT 3**

**2.3. *Tìm hiểu về Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản. ( 45 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS phân tích được vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.

***b. Nội dung*:** Dựa vào kênh chữ SGK tr112 suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.

***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 3 SGK.  \* GV chia lớp làm 8 nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, yêu cầu HS, yêu cầu HS dựa vào thông tin trong bày, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập sau:  1. Nhóm 1, 2, 3 và 4 – phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nêu vai trò của tài nguyên khoáng sản nước ta.* |  | | *Nêu hiện trạng khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản.* |  | | *Nguyên nhân nào dẫn đến việc khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản chưa hợp lí?* |  |   2. Nhóm 5, 6, 7 và 8 – phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Việc khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản chưa hợp lí gây ra những hậu quả gì?* |  | | *Nêu các biện pháp sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản nước ta.* |  |   **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát hình 4.2 và thông tin trong bày, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện nhóm 3 và 7 lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:  1. Nhóm 3 – phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nêu vai trò của tài nguyên khoáng sản nước ta.* | - Cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp cũng như đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia.  - Phát triển kinh tế và đời sống. | | *Nêu hiện trạng khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản.* | Khai thác và sử dụng khoáng sản còn chưa hợp lí. | | *Nguyên nhân nào dẫn đến việc khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản chưa hợp lí?* | - Khai thác quá mức, bừa bãi, trái phép.  - Công nghệ khai thác còn lạc hậu. |   2. Nhóm 7 – phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Việc khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản chưa hợp lí gây ra những hậu quả gì?* | Gây lãng phí, ảnh hưởng xấu đến môi trường và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, một số loại khoáng sản bị khai thác quá mức dẫn tới nguy cơ cạn kiệt. | | *Nêu các biện pháp sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản nước ta.* | - Phát triển các hoạt động điều tra, thăm dò; khai thác, chế biến; giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái và cảnh quan.  - Đẩy mạnh đầu tư, hình thành ngành khai thác, chế biến đồng bộ, hiệu quả với công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại.  - Phát triển công nghiệp chế biến các loại khoáng sản, hạn chế xuất khẩu khoáng sản thô.  - Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản.  - Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong hoạt động khai thác và sử dụng khoáng sản. |   \* HS các nhómcòn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.  **Bước 4. Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. | **3. Sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản**  - Hiện trạng: việc khai thác và sử dụng còn chưa hợp lí.  - Nguyên nhân: khai thác quá mức, bừa bãi, trái phép, công nghệ khai thác còn lạc hậu,...  - Hậu quả: gây lãng phí, cạn kiệt, ảnh hưởng xấu đến môi trường và phát triển bền vững.  - Giải pháp:  + Phát triển các hoạt động điều tra, thăm dò; khai thác, chế biến.  + Đẩy mạnh đầu tư với công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại.  + Phát triển công nghiệp chế biến.  + Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và sử dụng tiết kiệm.  + Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. |

**TIẾT 4**

**3. Hoạt động luyện tập (**

***a. Mục tiêu:*** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

***b. Nội dung*:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

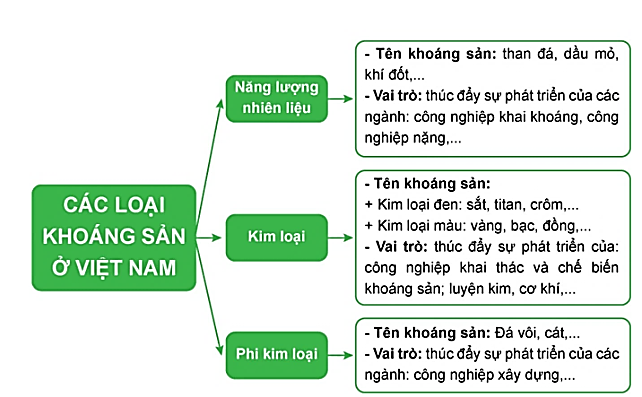
GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, hãy trả lời câu hỏi sau:*Hãy vẽ sơ đồ thể hiện sự đa dạng của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**4. Hoạt động vận dụng**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

***b. Nội dung*:** GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập ở nhà.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi cho HS: *Tìm hiểu về một loại khoáng sản chủ yếu của Việt Nam.*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm kiếm thông tin trên Internet và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình vào tiết học sau:

Việt Nam là đất nước có tiềm năng về than khoáng trong đó có 3 loại phổ biến là:

- Than biến chất thấp (lignit - á bitum) ở phần lục địa trong bể than của sông Hồng. Tính đến chiều sâu khoảng 1700m có tài nguyên trữ lượng đạt được 36,960 tỷ tấn. Nếu tính đến độ sâu 3500m thì theo dự báo tổng tài nguyên than đạt tới 210 tỷ tấn.

- Than biến chất trung bình (bitum) được phát hiện ở khu vực Thái Nguyên, vùng sông Đà và Nghệ Tĩnh. Trữ lượng lại không lớn, và chỉ đạt tổng tài nguyên khoảng 80 triệu tấn.

- Than biến chất cao (anthracite) thường phân bố chủ yếu ở các bể than như: Quảng Ninh, Nông Sơn, Thái Nguyên, sông Đà với tổng lượng đạt trên 18 tỷ tấn. Bể than Quảng Ninh là lớn nhất với trữ lượng đạt trên cả 3 tỷ tấn. Phục vụ rất tốt cho các nhu cầu trong nước cũng như xuất khẩu.

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.